

KẾT QUẢ THI TUYỂN SINH SAU ĐẠI HỌC NĂM 2026
ĐỐI TƯỢNG: THẠC SĨ

STT	SBD	Giới tính	Ngày sinh	KẾT QUẢ THI CÁC MÔN		Tổng điểm	Ghi chú
				CS	CN		
	NGÀNH: CHẨN ĐOÁN HÌNH ẢNH		62				
1	26.04.01.0001	Nam	15/03/1995	6.25	5.00	11.25	
2	26.04.01.0002	Nữ	09/01/2002	8.67	6.25	14.92	
3	26.04.01.0003	Nữ	21/04/2000	6.83	4.42	11.25	
4	26.04.01.0004	Nữ	03/07/2000	7.33	3.92	11.25	
5	26.04.01.0005	Nữ	20/04/1997	7.42	6.00	13.42	
6	26.04.01.0006	Nữ	28/10/2000	6.50	4.42	10.92	
7	26.04.01.0007	Nữ	22/01/2000	9.67	8.13	17.80	
8	26.04.01.0008	Nữ	20/09/1998	v	v	v	
9	26.04.01.0009	Nữ	15/03/1999	4.50	3.67	8.17	
10	26.04.01.0010	Nam	03/11/2001	9.25	7.00	16.25	
11	26.04.01.0011	Nữ	15/09/2001	8.58	6.63	15.21	
12	26.04.01.0012	Nam	15/09/1996	5.33	v	5.33	
13	26.04.01.0013	Nữ	04/08/2000	v	v	v	
14	26.04.01.0014	Nữ	28/09/1999	4.25	4.17	8.42	
15	26.04.01.0015	Nữ	20/06/1999	8.50	5.50	14.00	
16	26.04.01.0016	Nam	15/04/2001	7.33	4.42	11.75	
17	26.04.01.0017	Nam	06/03/2000	6.50	3.75	10.25	
18	26.04.01.0018	Nữ	12/06/2001	8.33	6.13	14.46	
19	26.04.01.0019	Nam	09/10/2001	6.75	5.25	12.00	
20	26.04.01.0020	Nam	01/07/1996	8.42	6.38	14.80	
21	26.04.01.0021	Nam	17/09/2000	8.00	5.50	13.50	
22	26.04.01.0022	Nữ	21/10/2001	7.92	7.25	15.17	
23	26.04.01.0023	Nam	22/10/1997	8.25	5.13	13.38	
24	26.04.01.0024	Nam	11/06/1996	5.08	3.33	8.41	
25	26.04.01.0025	Nữ	08/05/1995	7.33	5.13	12.46	
26	26.04.01.0026	Nữ	15/11/2002	9.42	8.88	18.30	
27	26.04.01.0027	Nữ	24/01/1999	5.75	3.83	9.58	
28	26.04.01.0028	Nam	15/10/2001	8.25	7.13	15.38	
29	26.04.01.0029	Nữ	26/11/2001	9.17	7.25	16.42	+U'T
30	26.04.01.0030	Nữ	28/02/1998	6.00	4.08	10.08	
31	26.04.01.0031	Nữ	10/11/1998	8.00	6.88	14.88	
32	26.04.01.0032	Nữ	16/07/1995	7.92	7.38	15.30	
33	26.04.01.0033	Nam	21/01/2000	8.83	6.00	14.83	+U'T
34	26.04.01.0034	Nữ	10/01/2000	6.17	4.83	11.00	
35	26.04.01.0035	Nữ	28/10/2001	6.92	4.00	10.92	
36	26.04.01.0036	Nam	25/03/1997	8.42	5.13	13.55	
37	26.04.01.0037	Nam	29/09/1997	7.92	4.58	12.50	

STT	SBD	Giới tính	Ngày sinh	KẾT QUẢ THI CÁC MÔN		Tổng điểm	Ghi chú
				CS	CN		
38	26.04.01.0038	Nữ	17/11/1998	8.42	5.88	14.30	
39	26.04.01.0039	Nam	02/06/1980	4.38	3.42	7.80	
40	26.04.01.0040	Nam	21/10/2000	5.17	4.75	9.92	
41	26.04.01.0041	Nam	24/09/2000	9.42	6.63	16.05	
42	26.04.01.0042	Nữ	18/10/2000	8.33	6.00	14.33	
43	26.04.01.0043	Nữ	25/01/2000	5.08	3.83	8.91	
44	26.04.01.0044	Nam	13/06/2000	8.17	5.63	13.80	
45	26.04.01.0045	Nữ	03/08/2001	6.50	5.13	11.63	
46	26.04.01.0046	Nữ	12/01/2001	5.58	4.92	10.50	
47	26.04.01.0047	Nữ	01/04/1997	5.08	4.42	9.50	
48	26.04.01.0048	Nữ	05/06/2000	7.83	5.13	12.96	
49	26.04.01.0049	Nữ	09/11/1995	8.58	5.63	14.21	
50	26.04.01.0050	Nữ	13/12/2001	7.92	5.63	13.55	
51	26.04.01.0051	Nữ	18/9/1999	8.25	4.50	12.75	
52	26.04.01.0052	Nữ	24/09/1992	8.08	6.00	14.08	
53	26.04.01.0053	Nam	02/05/2001	6.50	6.38	12.88	
54	26.04.01.0054	Nam	13/05/1999	7.25	4.58	11.83	
55	26.04.01.0055	Nữ	17/01/2001	9.50	9.38	18.88	
56	26.04.01.0056	Nữ	08/3/1996	8.17	6.63	14.80	
57	26.04.01.0057	Nữ	15/07/1997	7.50	5.13	12.63	
58	26.04.01.0058	Nam	25/09/1990	7.50	5.50	13.00	
59	26.04.01.0059	Nam	20/02/1999	9.17	7.25	16.42	
60	26.04.01.0060	Nữ	30/03/2000	9.00	6.88	15.88	
61	26.04.01.0061	Nữ	18/06/2001	7.75	4.42	12.17	
62	26.04.01.0062	Nữ	22/04/1997	5.83	3.33	9.16	
	NGÀNH: DUỆC LÝ - DUỆC LÂM SÀNG		54				
1	26.04.31.0095	Nữ	06/01/2000	5.20	4.33	9.53	
2	26.04.31.0096	Nữ	11/11/1999	7.30	6.38	13.68	
3	26.04.31.0097	Nữ	20/03/2001	6.50	4.50	11.00	
4	26.04.31.0098	Nam	24/08/2001	5.90	5.75	11.65	
5	26.04.31.0099	Nữ	22/02/2000	9.40	8.25	17.65	
6	26.04.31.0100	Nữ	04/05/1996	8.90	7.38	16.28	
7	26.04.31.0101	Nữ	06/10/2000	6.30	4.75	11.05	
8	26.04.31.0102	Nữ	23/11/2002	9.20	7.63	16.83	
9	26.04.31.0103	Nam	05/11/1999	5.00	6.38	11.38	
10	26.04.31.0104	Nữ	23/05/1999	6.60	6.25	12.85	
11	26.04.31.0105	Nữ	01/07/2002	9.00	5.00	14.00	
12	26.04.31.0106	Nam	07/12/2000	4.80	3.67	8.47	
13	26.04.31.0107	Nữ	14/06/2002	6.70	4.58	11.28	
14	26.04.31.0108	Nữ	29/11/1996	8.30	7.13	15.43	
15	26.04.31.0109	Nữ	27/06/1979	6.80	4.83	11.63	
16	26.04.31.0110	Nữ	07/10/1999	8.90	7.88	16.78	

STT	SBD	Giới tính	Ngày sinh	KẾT QUẢ THI CÁC MÔN		Tổng điểm	Ghi chú
				CS	CN		
17	26.04.31.0111	Nữ	24/10/1995	3.10	5.38	8.48	
18	26.04.31.0112	Nữ	20/05/2002	7.60	6.00	13.60	
19	26.04.31.0113	Nữ	02/01/1999	7.40	3.75	11.15	
20	26.04.31.0114	Nam	20/09/2001	4.40	4.25	8.65	
21	26.04.31.0115	Nữ	15/06/1990	8.80	5.00	13.80	
22	26.04.31.0116	Nam	21/10/2000	7.40	7.00	14.40	
23	26.04.31.0117	Nữ	03/08/2003	v	v	v	
24	26.04.31.0118	Nam	22/07/1990	7.00	8.00	15.00	
25	26.04.31.0119	Nữ	26/02/1996	9.00	6.50	15.50	
26	26.04.31.0120	Nam	06/03/2001	10.00	9.50	19.50	
27	26.04.31.0121	Nam	09/02/2002	7.20	6.00	13.20	
28	26.04.31.0122	Nữ	17/07/2002	5.50	4.33	9.83	
29	26.04.31.0123	Nữ	30/10/1999	4.10	4.42	8.52	
30	26.04.31.0124	Nữ	14/06/1997	7.60	5.63	13.23	
31	26.04.31.0125	Nữ	18/09/1998	8.60	4.67	13.27	
32	26.04.31.0126	Nữ	03/04/1988	5.40	3.83	9.23	
33	26.04.31.0127	Nữ	22/12/2001	4.90	3.25	8.15	
34	26.04.31.0128	Nam	24/01/1995	6.40	4.17	10.57	
35	26.04.31.0129	Nữ	05/04/2002	5.30	4.58	9.88	
36	26.04.31.0130	Nữ	27/12/2002	8.80	7.75	16.55	
37	26.04.31.0131	Nam	04/02/1995	3.70	4.08	7.78	
38	26.04.31.0132	Nữ	19/10/2003	4.90	4.50	9.40	
39	26.04.31.0133	Nữ	07/03/2002	8.60	6.00	14.60	
40	26.04.31.0134	Nữ	18/09/1992	8.00	4.92	12.92	
41	26.04.31.0135	Nữ	22/10/2002	8.60	5.63	14.23	
42	26.04.31.0136	Nữ	06/06/1998	6.90	4.25	11.15	
43	26.04.31.0137	Nữ	22/03/2000	7.30	4.50	11.80	
44	26.04.31.0138	Nữ	06/07/1996	5.40	4.75	10.15	
45	26.04.31.0139	Nam	28/11/1995	7.60	6.88	14.48	
46	26.04.31.0140	Nam	04/07/1999	9.00	6.75	15.75	
47	26.04.31.0141	Nữ	19/07/2000	5.60	5.13	10.73	
48	26.04.31.0142	Nữ	25/07/2002	7.20	6.13	13.33	
49	26.04.31.0143	Nam	18/01/1997	9.10	7.38	16.48	
50	26.04.31.0144	Nữ	19/03/1993	7.30	5.38	12.68	
51	26.04.31.0145	Nữ	21/01/1999	5.70	3.83	9.53	
52	26.04.31.0146	Nam	01/04/2000	4.00	3.33	7.33	
53	26.04.31.0147	Nam	06/03/1999	3.30	3.67	6.97	
54	26.04.31.0148	Nữ	07/12/2002	7.50	4.83	12.33	
	NGÀNH: ĐIỀU DƯỠNG		32				
1	26.04.04.0063	Nữ	17/02/2004	6.30	5.50	11.80	
2	26.04.04.0064	Nữ	10/03/2003	8.50	8.50	17.00	
3	26.04.04.0065	Nữ	01/10/1996	6.60	7.63	14.23	
4	26.04.04.0066	Nữ	31/03/1999	8.60	7.00	15.60	

STT	SBD	Giới tính	Ngày sinh	KẾT QUẢ THI CÁC MÔN		Tổng điểm	Ghi chú
				CS	CN		
5	26.04.04.0067	Nữ	16/07/2000	7.60	8.00	15.60	
6	26.04.04.0068	Nữ	05/11/1997	7.90	8.13	16.03	
7	26.04.04.0069	Nữ	05/11/2000	5.30	6.63	11.93	
8	26.04.04.0070	Nữ	18/3/1995	6.40	7.75	14.15	
9	26.04.04.0071	Nữ	26/07/1990	5.90	7.88	13.78	
10	26.04.04.0072	Nữ	29/04/1990	7.50	8.13	15.63	
11	26.04.04.0073	Nữ	16/03/2000	6.20	7.13	13.33	
12	26.04.04.0074	Nữ	30/05/2000	9.20	8.50	17.70	
13	26.04.04.0075	Nữ	08/04/2000	7.00	6.38	13.38	
14	26.04.04.0076	Nữ	17/02/2000	9.00	9.00	18.00	
15	26.04.04.0077	Nữ	27/08/1988	5.70	7.25	12.95	
16	26.04.04.0078	Nữ	08/12/2003	8.20	8.50	16.70	
17	26.04.04.0079	Nữ	29/09/1996	5.90	7.50	13.40	
18	26.04.04.0080	Nữ	20/10/1990	8.80	8.50	17.30	
19	26.04.04.0081	Nữ	09/12/1990	7.90	8.38	16.28	
20	26.04.04.0082	Nữ	25/06/1991	8.50	8.25	16.75	
21	26.04.04.0083	Nữ	10/05/2000	7.35	7.75	15.10	+U'T
22	26.04.04.0084	Nữ	20/10/1999	6.00	8.88	14.88	
23	26.04.04.0085	Nữ	27/02/1997	7.70	6.88	14.58	
24	26.04.04.0086	Nam	10/07/1997	7.10	7.25	14.35	
25	26.04.04.0087	Nữ	25/04/1990	9.30	8.75	18.05	
26	26.04.04.0088	Nữ	03/05/1991	6.80	8.63	15.43	
27	26.04.04.0089	Nữ	17/09/2000	6.40	7.38	13.78	
28	26.04.04.0090	Nữ	08/03/1996	5.10	7.25	12.35	
29	26.04.04.0091	Nam	26/07/2002	5.30	5.25	10.55	
30	26.04.04.0092	Nữ	13/07/1987	8.40	8.13	16.53	
31	26.04.04.0093	Nữ	23/11/2000	7.80	8.38	16.18	
32	26.04.04.0094	Nữ	18/07/1995	7.10	8.25	15.35	
	NGÀNH: KHOA HỌC Y SINH - GIẢI PHẪU		2				
1	26.04.24.0149	Nam	02/06/1997	7.80	5.00	12.80	
2	26.04.24.0150	Nữ	05/12/2000	8.60	6.44	15.04	
	NGÀNH: KHOA HỌC Y SINH - GIẢI PHẪU BỆNH		2				
1	26.04.25.0151	Nam	23/07/1990	v	v	v	
2	26.04.25.0152	Nữ	18/05/1996	7.50	6.89	14.39	
	NGÀNH: KHOA HỌC Y SINH - SINH LÝ		1				
1	26.04.30.0153	Nam	19/05/1999	7.00	5.78	12.78	
	NGÀNH: KHOA HỌC Y SINH - VI SINH		1				
1	26.04.29.0154	Nam	01/01/1981	v	v	v	
	NGÀNH: NỘI KHOA		182				
1	26.04.10.0282	Nam	12/11/2000	v	v	v	

STT	SBD	Giới tính	Ngày sinh	KẾT QUẢ THI CÁC MÔN		Tổng điểm	Ghi chú
				CS	CN		
2	26.04.10.0283	Nam	25/12/2001	9.40	6.63	16.03	
3	26.04.10.0284	Nam	28/12/1996	9.30	7.13	16.43	
4	26.04.10.0285	Nữ	28/04/2001	7.60	4.83	12.43	
5	26.04.10.0286	Nam	07/01/1999	8.40	4.67	13.07	
6	26.04.10.0287	Nam	01/06/1997	9.20	5.25	14.45	
7	26.04.10.0288	Nam	12/08/1997	8.80	6.25	15.05	
8	26.04.10.0289	Nữ	31/03/2000	7.40	6.00	13.40	
9	26.04.10.0290	Nữ	13/08/1997	9.10	5.13	14.23	
10	26.04.10.0291	Nữ	21/02/2002	5.80	5.25	11.05	
11	26.04.10.0292	Nam	19/09/1988	8.30	6.25	14.55	
12	26.04.10.0293	Nam	03/02/2001	8.30	6.38	14.68	
13	26.04.10.0294	Nam	23/10/1999	8.50	4.75	13.25	
14	26.04.10.0295	Nữ	08/01/1985	9.30	7.00	16.30	
15	26.04.10.0296	Nữ	11/03/2001	v	v	v	
16	26.04.10.0297	Nữ	20/04/1999	9.60	7.25	16.85	
17	26.04.10.0298	Nữ	24/08/2000	8.90	5.50	14.40	
18	26.04.10.0299	Nữ	22/06/2002	8.40	4.92	13.32	
19	26.04.10.0300	Nam	10/07/2001	7.40	6.25	13.65	
20	26.04.10.0301	Nam	03/08/1991	7.60	4.75	12.35	
21	26.04.10.0302	Nữ	16/09/1999	7.40	5.13	12.53	
22	26.04.10.0303	Nam	09/07/2000	7.80	5.13	12.93	
23	26.04.10.0304	Nam	06/09/2001	8.10	4.67	12.77	
24	26.04.10.0305	Nữ	25/11/2001	8.60	5.63	14.23	
25	26.04.10.0306	Nữ	16/10/2001	7.70	6.63	14.33	
26	26.04.10.0307	Nữ	08/09/1999	9.30	7.00	16.30	
27	26.04.10.0308	Nữ	10/07/2001	9.10	7.75	16.85	
28	26.04.10.0309	Nữ	27/06/2001	8.60	5.13	13.73	
29	26.04.10.0310	Nam	24/06/1995	9.40	6.13	15.53	
30	26.04.10.0311	Nữ	20/08/1996	6.60	6.25	12.85	
31	26.04.10.0312	Nữ	06/09/1989	v	v	v	
32	26.04.10.0313	Nữ	06/05/1999	9.20	6.25	15.45	
33	26.04.10.0314	Nam	16/11/1996	8.10	5.75	13.85	
34	26.04.10.0315	Nam	25/11/2001	8.00	6.25	14.25	
35	26.04.10.0316	Nam	07/04/2000	9.40	7.50	16.90	
36	26.04.10.0317	Nam	25/11/1999	9.50	7.50	17.00	
37	26.04.10.0318	Nam	30/09/2000	9.40	6.50	15.90	
38	26.04.10.0319	Nam	30/01/2001	9.10	5.00	14.10	
39	26.04.10.0320	Nam	22/04/1999	v	v	v	
40	26.04.10.0321	Nữ	10/01/1999	6.80	5.25	12.05	
41	26.04.10.0322	Nữ	29/02/1996	9.70	7.63	17.33	
42	26.04.10.0323	Nữ	14/08/2001	8.90	7.00	15.90	
43	26.04.10.0324	Nam	02/04/2001	9.10	7.25	16.35	
44	26.04.10.0325	Nữ	14/8/1996	9.40	7.13	16.53	



STT	SBD	Giới tính	Ngày sinh	KẾT QUẢ THI CÁC MÔN		Tổng điểm	Ghi chú
				CS	CN		
45	26.04.10.0326	Nữ	02/10/2001	5.80	4.08	9.88	
46	26.04.10.0327	Nam	08/04/1988	9.50	v	9.50	
47	26.04.10.0328	Nam	05/07/1996	8.90	8.50	17.40	
48	26.04.10.0329	Nữ	26/07/1997	9.10	7.63	16.73	
49	26.04.10.0330	Nữ	10/01/1996	8.60	4.58	13.18	
50	26.04.10.0331	Nam	10/08/2000	9.20	6.13	15.33	
51	26.04.10.0332	Nam	03/12/2000	9.30	7.50	16.80	
52	26.04.10.0333	Nam	14/01/1999	9.50	7.75	17.25	
53	26.04.10.0334	Nam	08/12/2001	9.70	7.25	16.95	
54	26.04.10.0335	Nữ	18/08/2000	8.30	4.67	12.97	
55	26.04.10.0336	Nữ	30/09/1998	v	v	v	
56	26.04.10.0337	Nữ	05/02/1998	9.00	6.88	15.88	
57	26.04.10.0338	Nam	09/07/2001	8.90	5.00	13.90	
58	26.04.10.0339	Nữ	14/11/2001	9.20	7.50	16.70	
59	26.04.10.0340	Nữ	11/12/2001	9.60	6.88	16.48	
60	26.04.10.0341	Nam	24/08/1999	8.80	6.63	15.43	
61	26.04.10.0342	Nữ	05/11/2000	8.40	5.88	14.28	
62	26.04.10.0343	Nam	13/03/1995	8.80	6.75	15.55	
63	26.04.10.0344	Nam	03/09/2000	v	v	v	
64	26.04.10.0345	Nam	28/02/1997	9.10	8.13	17.23	
65	26.04.10.0346	Nam	03/09/1997	9.20	7.88	17.08	
66	26.04.10.0347	Nữ	27/10/1997	v	v	v	
67	26.04.10.0348	Nam	13/11/1999	9.00	4.33	13.33	
68	26.04.10.0349	Nữ	14/04/1995	5.60	4.92	10.52	
69	26.04.10.0350	Nữ	12/07/2000	8.40	6.50	14.90	
70	26.04.10.0351	Nam	14/05/2002	7.10	5.00	12.10	
71	26.04.10.0352	Nam	06/02/2000	v	v	v	
72	26.04.10.0353	Nam	08/03/1997	9.50	7.38	16.88	
73	26.04.10.0354	Nam	04/05/2002	9.60	5.75	15.35	
74	26.04.10.0355	Nữ	25/11/1999	8.20	6.13	14.33	
75	26.04.10.0356	Nữ	08/02/2000	7.60	4.33	11.93	
76	26.04.10.0357	Nữ	27/01/2001	v	v	v	
77	26.04.10.0358	Nam	28/03/2000	9.30	5.50	14.80	
78	26.04.10.0359	Nam	09/12/2000	8.50	6.50	15.00	
79	26.04.10.0360	Nam	22/10/2000	6.50	4.92	11.42	
80	26.04.10.0361	Nữ	26/11/2000	9.80	7.63	17.43	
81	26.04.10.0362	Nam	22/11/2001	7.50	5.88	13.38	
82	26.04.10.0363	Nữ	28/08/1997	9.20	7.38	16.58	
83	26.04.10.0364	Nam	06/06/2002	8.80	6.25	15.05	
84	26.04.10.0365	Nữ	17/05/2001	9.65	6.50	16.15	+ƯT
85	26.04.10.0366	Nữ	05/05/2001	7.40	3.92	11.32	
86	26.04.10.0367	Nữ	19/03/2001	6.70	3.75	10.45	
87	26.04.10.0368	Nam	11/08/2000	9.00	6.13	15.13	

STT	SBD	Giới tính	Ngày sinh	KẾT QUẢ THI CÁC MÔN		Tổng điểm	Ghi chú
				CS	CN		
88	26.04.10.0369	Nam	15/12/1993	9.00	6.38	15.38	
89	26.04.10.0370	Nam	19/03/1998	9.20	5.50	14.70	
90	26.04.10.0371	Nam	04/08/1996	8.90	7.38	16.28	
91	26.04.10.0372	Nam	08/04/2001	8.30	5.00	13.30	
92	26.04.10.0373	Nam	21/07/1996	v	v	v	
93	26.04.10.0374	Nữ	05/10/2000	v	v	v	
94	26.04.10.0375	Nữ	17/05/2001	9.30	6.88	16.18	
95	26.04.10.0376	Nữ	04/12/1999	9.20	7.13	16.33	
96	26.04.10.0377	Nữ	01/07/2001	9.80	6.25	16.05	
97	26.04.10.0378	Nữ	23/08/2000	6.60	4.42	11.02	
98	26.04.10.0379	Nữ	05/07/2001	9.70	8.50	18.20	
99	26.04.10.0380	Nữ	17/12/1998	8.50	6.25	14.75	
100	26.04.10.0381	Nam	24/07/1997	9.20	6.25	15.45	
101	26.04.10.0382	Nam	03/08/1989	8.50	5.50	14.00	
102	26.04.10.0383	Nữ	15/01/2002	7.60	5.50	13.10	
103	26.04.10.0384	Nữ	30/05/2002	8.70	6.75	15.45	
104	26.04.10.0385	Nữ	20/10/2001	8.90	7.00	15.90	
105	26.04.10.0386	Nam	11/06/2000	8.90	6.75	15.65	
106	26.04.10.0387	Nam	13/11/2001	9.40	7.88	17.28	
107	26.04.10.0388	Nam	18/06/2001	7.40	4.75	12.15	
108	26.04.10.0389	Nam	14/02/1994	v	v	v	
109	26.04.10.0390	Nam	28/12/1998	9.10	6.88	15.98	
110	26.04.10.0391	Nam	05/10/2002	8.30	6.25	14.55	
111	26.04.10.0392	Nam	11/09/2002	5.80	5.50	11.30	
112	26.04.10.0393	Nữ	07/11/1997	v	v	v	
113	26.04.10.0394	Nữ	08/04/1998	8.50	6.00	14.50	
114	26.04.10.0395	Nữ	15/07/1998	8.80	6.88	15.68	
115	26.04.10.0396	Nữ	08/01/2000	6.80	5.38	12.18	
116	26.04.10.0397	Nam	25/10/1998	v	v	v	
117	26.04.10.0398	Nam	03/12/2000	8.70	6.00	14.70	
118	26.04.10.0399	Nữ	08/07/2000	9.50	8.00	17.50	
119	26.04.10.0400	Nữ	11/10/2002	9.40	6.63	16.03	
120	26.04.10.0401	Nữ	02/06/1997	7.80	7.13	14.93	
121	26.04.10.0402	Nam	03/05/1988	8.80	7.75	16.55	
122	26.04.10.0403	Nam	16/02/1997	9.00	7.88	16.88	
123	26.04.10.0404	Nam	09/06/1996	9.60	7.50	17.10	
124	26.04.10.0405	Nữ	15/06/1997	8.40	6.75	15.15	
125	26.04.10.0406	Nữ	01/07/2000	9.10	7.00	16.10	
126	26.04.10.0407	Nam	28/02/2002	9.50	5.63	15.13	
127	26.04.10.0408	Nữ	27/10/2001	7.50	5.13	12.63	
128	26.04.10.0409	Nữ	22/12/2001	8.80	6.75	15.55	
129	26.04.10.0410	Nữ	28/02/1998	9.50	8.13	17.63	
130	26.04.10.0411	Nữ	05/03/2000	7.40	6.38	13.78	

STT	SBD	Giới tính	Ngày sinh	KẾT QUẢ THI CÁC MÔN		Tổng điểm	Ghi chú
				CS	CN		
131	26.04.10.0412	Nam	20/08/2000	9.70	6.00	15.70	
132	26.04.10.0413	Nam	18/06/2001	9.00	6.38	15.38	
133	26.04.10.0414	Nam	06/05/2002	9.00	4.92	13.92	
134	26.04.10.0415	Nam	07/02/1999	8.50	7.75	16.25	
135	26.04.10.0416	Nữ	02/10/1996	8.10	4.50	12.60	
136	26.04.10.0417	Nữ	14/01/2000	8.10	4.83	12.93	
137	26.04.10.0418	Nữ	11/08/2001	6.80	5.75	12.55	
138	26.04.10.0419	Nữ	19/10/2001	9.60	8.25	17.85	
139	26.04.10.0420	Nữ	16/09/1993	8.80	7.50	16.30	
140	26.04.10.0421	Nữ	26/02/1997	6.90	4.17	11.07	
141	26.04.10.0422	Nữ	13/11/2001	v	v	v	
142	26.04.10.0423	Nữ	07/01/2000	6.40	5.63	12.03	
143	26.04.10.0424	Nữ	30/08/2002	6.80	4.67	11.47	
144	26.04.10.0425	Nữ	16/12/2000	9.50	7.50	17.00	
145	26.04.10.0426	Nam	29/12/2000	5.70	4.42	10.12	
146	26.04.10.0427	Nam	09/09/2001	v	v	v	
147	26.04.10.0428	Nữ	20/01/1999	8.60	6.50	15.10	
148	26.04.10.0429	Nữ	04/01/1999	9.70	6.13	15.83	
149	26.04.10.0430	Nữ	19/07/1992	8.90	7.13	16.03	
150	26.04.10.0431	Nữ	25/05/2002	6.80	3.25	10.05	
151	26.04.10.0432	Nữ	14/08/2001	7.90	4.58	12.48	
152	26.04.10.0433	Nữ	26/04/1994	8.00	6.75	14.75	
153	26.04.10.0434	Nữ	04/04/1997	9.00	8.25	17.25	
154	26.04.10.0435	Nữ	28/11/2001	8.10	4.75	12.85	
155	26.04.10.0436	Nam	14/11/1998	v	v	v	
156	26.04.10.0437	Nữ	23/12/2001	8.90	6.00	14.90	
157	26.04.10.0438	Nam	11/06/2001	8.60	6.88	15.48	
158	26.04.10.0439	Nam	04/11/2000	9.10	8.13	17.23	
159	26.04.10.0440	Nam	01/05/1999	9.00	6.75	15.75	
160	26.04.10.0441	Nam	23/05/1997	9.00	5.25	14.25	
161	26.04.10.0442	Nữ	04/09/1997	9.20	7.50	16.70	
162	26.04.10.0443	Nữ	11/06/1998	9.20	7.63	16.83	
163	26.04.10.0444	Nam	01/01/2000	9.30	6.13	15.43	
164	26.04.10.0445	Nam	15/10/2001	9.80	8.50	18.30	
165	26.04.10.0446	Nam	20/04/1992	8.90	7.25	16.15	
166	26.04.10.0447	Nữ	30/03/2000	8.80	5.75	14.55	
167	26.04.10.0448	Nữ	21/07/1999	9.20	7.00	16.20	
168	26.04.10.0449	Nữ	08/12/2001	7.70	5.88	13.58	
169	26.04.10.0450	Nữ	29/10/2002	8.00	5.88	13.88	
170	26.04.10.0451	Nam	16/02/2001	7.80	6.25	14.05	
171	26.04.10.0452	Nữ	23/11/1995	8.70	7.88	16.58	
172	26.04.10.0453	Nữ	11/07/2002	6.60	5.13	11.73	
173	26.04.10.0454	Nữ	26/11/2000	9.30	6.63	15.93	

STT	SBD	Giới tính	Ngày sinh	KẾT QUẢ THI CÁC MÔN		Tổng điểm	Ghi chú
				CS	CN		
174	26.04.10.0455	Nam	10/12/1983	6.30	3.92	10.22	
175	26.04.10.0456	Nam	15/03/2000	6.80	5.25	12.05	
176	26.04.10.0457	Nam	03/01/1988	9.10	7.63	16.73	
177	26.04.10.0458	Nữ	20/11/2002	6.40	5.00	11.40	
178	26.04.10.0459	Nữ	07/11/2000	9.00	8.38	17.38	
179	26.04.10.0460	Nữ	19/01/1994	9.95	8.88	18.83	+UT
180	26.04.10.0461	Nữ	02/07/2000	9.20	5.38	14.58	
181	26.04.10.0462	Nữ	19/01/2002	7.50	5.13	12.63	
182	26.04.10.0463	Nữ	11/06/2000	9.10	6.50	15.60	
NGÀNH: NỘI KHOA (CHUYÊN NGÀNH DA LIỄU)		21					
1	26.04.35.0464	Nữ	22/10/2000	7.90	5.25	13.15	
2	26.04.35.0465	Nữ	24/10/1999	9.60	5.63	15.23	
3	26.04.35.0466	Nữ	26/05/1999	8.70	4.67	13.37	
4	26.04.35.0467	Nữ	06/01/2000	8.70	5.13	13.83	
5	26.04.35.0468	Nam	19/05/2000	9.00	6.25	15.25	
6	26.04.35.0469	Nam	19/12/2000	10.00	7.75	17.75	+UT
7	26.04.35.0470	Nữ	21/08/2002	6.30	4.75	11.05	
8	26.04.35.0471	Nam	21/08/2001	9.10	7.88	16.98	
9	26.04.35.0472	Nữ	12/10/1983	v	v	v	
10	26.04.35.0473	Nữ	17/11/1975	7.90	4.83	12.73	
11	26.04.35.0474	Nữ	17/07/1994	9.20	5.13	14.33	
12	26.04.35.0475	Nữ	10/08/2000	9.60	5.88	15.48	
13	26.04.35.0476	Nữ	06/05/2002	4.70	4.67	9.37	
14	26.04.35.0477	Nữ	30/10/2002	8.90	7.13	16.03	
15	26.04.35.0478	Nữ	03/11/1995	8.60	4.92	13.52	
16	26.04.35.0479	Nữ	25/11/1995	v	v	v	
17	26.04.35.0480	Nữ	19/10/1999	9.10	7.50	16.60	
18	26.04.35.0481	Nữ	10/09/1995	9.60	6.38	15.98	
19	26.04.35.0482	Nữ	10/07/2000	8.80	5.13	13.93	
20	26.04.35.0483	Nữ	09/09/1999	9.00	7.88	16.88	
21	26.04.35.0484	Nữ	04/09/1997	8.90	4.83	13.73	
NGÀNH: NGOẠI (LÔNG NGỰC)		4					
1	26.04.12.0155	Nam	03/07/1999	6.75	5.00	11.75	
2	26.04.12.0156	Nam	02/05/2001	5.33	5.40	10.73	
3	26.04.12.0157	Nam	15/10/1976	6.42	6.30	12.72	
4	26.04.12.0158	Nữ	03/03/2001	5.33	5.90	11.23	
NGÀNH: NGOẠI KHOA		33					
1	26.04.12.0159	Nam	04/01/2001	6.92	5.90	12.82	
2	26.04.12.0160	Nam	21/12/2002	v	v	v	
3	26.04.12.0161	Nam	19/08/2000	7.25	7.30	14.55	
4	26.04.12.0162	Nam	30/01/1996	7.33	8.00	15.33	

STT	SBD	Giới tính	Ngày sinh	KẾT QUẢ THI CÁC MÔN		Tổng điểm	Ghi chú
				CS	CN		
5	26.04.12.0163	Nữ	06/07/2002	4.75	5.70	10.45	
6	26.04.12.0164	Nam	01/01/2002	8.00	6.30	14.30	
7	26.04.12.0165	Nữ	13/08/2000	6.83	7.40	14.23	
8	26.04.12.0166	Nữ	02/05/1998	8.00	7.00	15.00	
9	26.04.12.0167	Nữ	19/11/2002	7.33	5.60	12.93	
10	26.04.12.0168	Nam	14/07/1999	6.17	6.20	12.37	
11	26.04.12.0169	Nam	01/09/1999	6.42	6.00	12.42	
12	26.04.12.0170	Nam	07/05/2001	7.58	7.90	15.48	
13	26.04.12.0171	Nam	02/03/1998	6.75	5.90	12.65	
14	26.04.12.0172	Nam	01/01/1997	8.33	7.30	15.63	
15	26.04.12.0173	Nam	04/05/1995	7.75	7.20	14.95	
16	26.04.12.0174	Nam	16/09/1999	6.83	7.00	13.83	
17	26.04.12.0175	Nam	15/07/2001	6.33	6.90	13.23	
18	26.04.12.0176	Nữ	10/07/2002	5.42	6.20	11.62	
19	26.04.12.0177	Nữ	02/04/2002	6.75	6.40	13.15	
20	26.04.12.0178	Nam	01/12/2001	5.58	5.70	11.28	
21	26.04.12.0179	Nữ	17/08/2001	4.88	5.40	10.28	
22	26.04.12.0180	Nam	29/01/1996	8.33	6.90	15.23	
23	26.04.12.0181	Nam	19/07/2001	7.75	6.30	14.05	
24	26.04.12.0182	Nam	11/05/2000	8.50	6.70	15.20	
25	26.04.12.0183	Nam	20/02/1997	6.42	7.90	14.32	
26	26.04.12.0184	Nam	24/01/2002	v	v	v	
27	26.04.12.0185	Nam	14/02/1999	4.88	4.60	9.48	
28	26.04.12.0186	Nam	07/09/2001	8.58	6.80	15.38	
29	26.04.12.0187	Nam	06/05/2000	8.00	7.30	15.30	
30	26.04.12.0188	Nam	30/12/2000	8.83	6.10	14.93	
31	26.04.12.0189	Nam	01/01/2001	6.50	6.40	12.90	
32	26.04.12.0190	Nam	19/01/1995	6.67	6.70	13.37	
33	26.04.12.0191	Nam	16/11/2002	6.75	7.20	13.95	
NGÀNH: NHÂN KHOA			51				
1	26.04.08.0192	Nam	27/02/2000	9.50	9.00	18.50	
2	26.04.08.0193	Nữ	04/09/2001	v	v	v	
3	26.04.08.0194	Nam	03/12/1997	6.75	7.88	14.63	
4	26.04.08.0195	Nữ	17/05/2001	6.33	6.00	12.33	
5	26.04.08.0196	Nam	07/08/1997	5.08	4.25	9.33	
6	26.04.08.0197	Nữ	05/06/2001	9.42	9.25	18.67	
7	26.04.08.0198	Nam	08/10/1991	5.67	6.63	12.30	
8	26.04.08.0199	Nam	15/05/1995	5.67	3.50	9.17	
9	26.04.08.0200	Nữ	29/05/2000	9.00	6.75	15.75	
10	26.04.08.0201	Nữ	22/06/1985	7.67	7.13	14.80	
11	26.04.08.0202	Nam	27/01/1996	9.42	8.63	18.05	
12	26.04.08.0203	Nam	25/10/1968	v	v	v	
13	26.04.08.0204	Nam	11/10/2002	9.50	9.13	18.63	

STT	SBD	Giới tính	Ngày sinh	KẾT QUẢ THI CÁC MÔN		Tổng điểm	Ghi chú
				CS	CN		
14	26.04.08.0205	Nữ	02/05/2000	6.08	4.58	10.66	
15	26.04.08.0206	Nữ	27/09/1994	5.75	7.25	13.00	
16	26.04.08.0207	Nam	16/08/2001	8.75	7.50	16.25	
17	26.04.08.0208	Nữ	26/07/2001	7.67	6.25	13.92	
18	26.04.08.0209	Nữ	12/09/2002	9.25	9.63	18.88	
19	26.04.08.0210	Nữ	19/05/2002	6.75	6.38	13.13	
20	26.04.08.0211	Nữ	19/04/1999	7.33	8.63	15.96	
21	26.04.08.0212	Nam	05/02/1974	9.25	9.63	18.88	
22	26.04.08.0213	Nữ	11/12/2000	9.58	7.88	17.46	
23	26.04.08.0214	Nam	04/07/1993	7.75	4.17	11.92	
24	26.04.08.0215	Nữ	13/07/2001	9.50	9.25	18.75	
25	26.04.08.0216	Nữ	12/01/1998	v	v	v	
26	26.04.08.0217	Nữ	24/03/2001	v	v	v	
27	26.04.08.0218	Nữ	02/8/1997	v	v	v	
28	26.04.08.0219	Nam	27/07/2000	8.75	8.00	16.75	
29	26.04.08.0220	Nữ	21/11/1997	9.25	9.38	18.63	
30	26.04.08.0221	Nữ	10/11/2001	9.33	9.38	18.71	
31	26.04.08.0222	Nữ	20/01/2000	9.42	9.13	18.55	
32	26.04.08.0223	Nam	13/08/1996	8.33	7.00	15.33	
33	26.04.08.0224	Nam	01/06/2001	9.58	9.25	18.83	
34	26.04.08.0225	Nam	30/03/1999	5.25	5.25	10.50	
35	26.04.08.0226	Nữ	12/12/2002	8.58	7.00	15.58	
36	26.04.08.0227	Nam	04/01/2002	9.50	9.50	19.00	
37	26.04.08.0228	Nam	16/12/2000	9.00	9.25	18.25	
38	26.04.08.0229	Nữ	12/07/2000	9.08	7.25	16.33	
39	26.04.08.0230	Nữ	18/01/2001	6.67	6.63	13.30	
40	26.04.08.0231	Nữ	08/05/2002	7.08	5.88	12.96	
41	26.04.08.0232	Nữ	24/09/1998	6.75	4.08	10.83	+U'T
42	26.04.08.0233	Nam	01/09/2002	6.92	4.75	11.67	
43	26.04.08.0234	Nữ	27/01/2001	9.58	9.63	19.21	
44	26.04.08.0235	Nữ	23/07/2000	v	v	v	
45	26.04.08.0236	Nữ	24/08/2000	v	v	v	
46	26.04.08.0237	Nam	12/02/2000	8.33	9.50	17.83	
47	26.04.08.0238	Nam	13/10/1979	9.25	9.50	18.75	
48	26.04.08.0239	Nam	12/11/2001	9.00	6.63	15.63	
49	26.04.08.0240	Nữ	22/05/2002	7.92	4.58	12.50	
50	26.04.08.0241	Nữ	26/09/2001	7.67	6.75	14.42	
51	26.04.08.0242	Nữ	15/06/2000	v	v	v	
NGÀNH: NHI KHOA			39				
1	26.04.09.0243	Nữ	03/01/2001	v	v	v	
2	26.04.09.0244	Nam	11/01/1993	8.70	7.00	15.70	
3	26.04.09.0245	Nam	27/08/1998	8.90	5.75	14.65	
4	26.04.09.0246	Nam	12/09/1998	9.30	7.25	16.55	

STT	SBD	Giới tính	Ngày sinh	KẾT QUẢ THI CÁC MÔN		Tổng điểm	Ghi chú
				CS	CN		
5	26.04.09.0247	Nữ	08/01/1992	7.20	4.83	12.03	
6	26.04.09.0248	Nữ	05/05/1997	9.50	6.25	15.75	
7	26.04.09.0249	Nữ	07/01/2001	8.40	6.00	14.40	
8	26.04.09.0250	Nữ	06/04/2001	8.40	5.50	13.90	
9	26.04.09.0251	Nữ	06/10/2001	6.80	4.75	11.55	
10	26.04.09.0252	Nữ	04/11/1999	9.30	7.38	16.68	
11	26.04.09.0253	Nữ	19/09/2002	v	v	v	
12	26.04.09.0254	Nam	14/04/2002	8.20	7.75	15.95	
13	26.04.09.0255	Nam	15/04/1998	9.30	7.63	16.93	
14	26.04.09.0256	Nữ	06/01/2001	8.95	6.00	14.95	+U'T
15	26.04.09.0257	Nữ	24/12/2000	9.40	8.13	17.53	
16	26.04.09.0258	Nữ	22/11/2002	5.90	4.83	10.73	
17	26.04.09.0259	Nữ	03/11/1999	7.30	4.33	11.63	
18	26.04.09.0260	Nữ	07/10/1998	8.80	6.38	15.18	
19	26.04.09.0261	Nữ	27/03/2000	7.90	3.67	11.57	
20	26.04.09.0262	Nữ	28/01/1998	9.60	7.38	16.98	
21	26.04.09.0263	Nam	22/05/2001	9.10	5.63	14.73	
22	26.04.09.0264	Nam	28/02/2000	6.80	4.00	10.80	
23	26.04.09.0265	Nữ	02/06/1998	9.20	5.75	14.95	
24	26.04.09.0266	Nữ	15/09/2001	v	v	v	
25	26.04.09.0267	Nữ	28/08/2000	9.20	7.13	16.33	
26	26.04.09.0268	Nữ	08/07/2002	7.00	4.67	11.67	
27	26.04.09.0269	Nữ	29/09/2000	8.90	8.25	17.15	
28	26.04.09.0270	Nữ	20/08/1999	8.50	4.50	13.00	
29	26.04.09.0271	Nữ	04/02/2001	9.40	7.88	17.28	
30	26.04.09.0272	Nữ	19/09/2001	7.80	4.33	12.13	
31	26.04.09.0273	Nam	11/07/2000	8.20	6.50	14.70	
32	26.04.09.0274	Nữ	25/04/1999	8.30	5.25	13.55	
33	26.04.09.0275	Nữ	23/06/1997	9.30	8.00	17.30	
34	26.04.09.0276	Nữ	20/05/2000	8.40	6.50	14.90	
35	26.04.09.0277	Nữ	18/10/1999	8.40	5.75	14.15	
36	26.04.09.0278	Nữ	28/05/1999	9.30	6.50	15.80	
37	26.04.09.0279	Nữ	23/03/1998	9.50	7.13	16.63	
38	26.04.09.0280	Nữ	28/01/2001	9.10	6.63	15.73	
39	26.04.09.0281	Nữ	09/02/2000	7.05	4.42	11.47	+U'T
NGÀNH: SẢN PHỤ KHOA			78				
1	26.04.15.0485	Nữ	02/02/2002	8.42	9.38	17.80	
2	26.04.15.0486	Nữ	18/04/2002	v	v	v	
3	26.04.15.0487	Nữ	10/08/1999	9.08	8.63	17.71	
4	26.04.15.0488	Nam	24/07/1996	7.58	9.13	16.71	
5	26.04.15.0489	Nữ	15/10/2002	6.25	7.63	13.88	
6	26.04.15.0490	Nam	05/01/2001	7.83	8.13	15.96	
7	26.04.15.0491	Nữ	26/5/2001	5.92	8.00	13.92	

STT	SBD	Giới tính	Ngày sinh	KẾT QUẢ THI CÁC MÔN		Tổng điểm	Ghi chú
				CS	CN		
8	26.04.15.0492	Nam	21/08/2001	7.00	7.63	14.63	
9	26.04.15.0493	Nam	30/05/1999	v	v	v	
10	26.04.15.0494	Nữ	24/12/1999	5.58	8.38	13.96	
11	26.04.15.0495	Nữ	26/02/2000	v	v	v	
12	26.04.15.0496	Nữ	15/10/1998	6.83	8.63	15.46	
13	26.04.15.0497	Nữ	10/10/1994	6.67	8.50	15.17	
14	26.04.15.0498	Nữ	20/04/1997	8.92	9.38	18.30	
15	26.04.15.0499	Nam	05/11/2001	7.50	8.75	16.25	
16	26.04.15.0500	Nữ	16/02/2001	7.83	9.00	16.83	
17	26.04.15.0501	Nữ	26/02/1999	v	v	v	
18	26.04.15.0502	Nam	19/06/1998	8.67	9.75	18.42	
19	26.04.15.0503	Nữ	20/02/1999	8.58	8.88	17.46	
20	26.04.15.0504	Nữ	12/04/2000	7.17	v	7.17	
21	26.04.15.0505	Nam	30/08/1999	7.42	8.75	16.17	
22	26.04.15.0506	Nam	20/11/1996	9.75	8.75	18.50	
23	26.04.15.0507	Nữ	17/01/2000	5.25	7.00	12.25	
24	26.04.15.0508	Nữ	08/07/1996	7.83	9.63	17.46	
25	26.04.15.0509	Nữ	28/07/1997	8.75	9.25	18.00	
26	26.04.15.0510	Nữ	31/08/1999	8.58	9.75	18.33	
27	26.04.15.0511	Nữ	01/01/2001	8.00	8.13	16.13	
28	26.04.15.0512	Nữ	30/08/2001	7.33	9.50	16.83	
29	26.04.15.0513	Nam	25/03/2000	7.83	8.63	16.46	
30	26.04.15.0514	Nam	10/06/1997	7.00	9.25	16.25	
31	26.04.15.0515	Nữ	26/08/2000	7.83	9.38	17.21	
32	26.04.15.0516	Nam	17/12/1997	7.50	9.25	16.75	
33	26.04.15.0517	Nữ	08/01/2000	5.50	8.88	14.38	
34	26.04.15.0518	Nam	03/11/2000	6.50	9.25	15.75	
35	26.04.15.0519	Nữ	18/06/2002	7.75	7.50	15.25	
36	26.04.15.0520	Nữ	15/08/2001	10.00	9.50	19.50	+U'T
37	26.04.15.0521	Nữ	04/07/2001	6.92	8.63	15.55	
38	26.04.15.0522	Nữ	18/01/2000	6.83	8.50	15.33	
39	26.04.15.0523	Nữ	01/01/2001	5.33	6.13	11.46	
40	26.04.15.0524	Nữ	14/12/2000	8.08	9.38	17.46	
41	26.04.15.0525	Nữ	11/12/1999	9.33	9.88	19.21	
42	26.04.15.0526	Nữ	05/10/2000	8.33	9.00	17.33	
43	26.04.15.0527	Nữ	29/04/1999	8.75	10.00	18.75	
44	26.04.15.0528	Nam	15/11/2001	9.08	9.63	18.71	
45	26.04.15.0529	Nam	22/02/2002	6.08	7.63	13.71	
46	26.04.15.0530	Nữ	17/06/1999	10.00	9.13	19.13	+U'T
47	26.04.15.0531	Nữ	21/04/2002	8.08	9.00	17.08	
48	26.04.15.0532	Nữ	16/06/1996	7.42	8.00	15.42	
49	26.04.15.0533	Nữ	28/12/1998	8.75	9.75	18.50	
50	26.04.15.0534	Nữ	03/04/1998	9.08	8.25	17.33	

STT	SBD	Giới tính	Ngày sinh	KẾT QUẢ THI CÁC MÔN		Tổng điểm	Ghi chú
				CS	CN		
51	26.04.15.0535	Nữ	21/03/1998	8.33	9.88	18.21	
52	26.04.15.0536	Nữ	02/04/2001	7.67	8.13	15.80	
53	26.04.15.0537	Nam	20/05/1999	7.42	9.50	16.92	
54	26.04.15.0538	Nữ	01/12/1999	7.58	9.00	16.58	
55	26.04.15.0539	Nữ	02/03/2000	8.67	8.63	17.30	
56	26.04.15.0540	Nữ	23/08/2001	7.33	8.75	16.08	
57	26.04.15.0541	Nam	21/01/2002	8.67	8.00	16.67	
58	26.04.15.0542	Nữ	08/04/2002	5.42	9.38	14.80	
59	26.04.15.0543	Nam	19/01/1999	v	v	v	
60	26.04.15.0544	Nữ	24/04/2000	8.75	9.38	18.13	
61	26.04.15.0545	Nữ	20/03/2001	5.50	8.25	13.75	
62	26.04.15.0546	Nữ	24/02/2001	9.00	9.25	18.25	+UT
63	26.04.15.0547	Nữ	13/03/2002	3.38	6.88	10.26	
64	26.04.15.0548	Nữ	26/03/2000	9.17	5.75	14.92	
65	26.04.15.0549	Nữ	26/07/2000	7.42	8.75	16.17	
66	26.04.15.0550	Nữ	22/10/1997	5.92	8.25	14.17	
67	26.04.15.0551	Nữ	16/03/1999	8.42	8.75	17.17	
68	26.04.15.0552	Nữ	20/01/1994	5.75	9.75	15.50	
69	26.04.15.0553	Nam	29/12/2000	8.50	9.38	17.88	
70	26.04.15.0554	Nam	26/06/1997	7.58	9.25	16.83	
71	26.04.15.0555	Nữ	25/12/1995	v	v	v	
72	26.04.15.0556	Nữ	25/10/1999	8.08	9.88	17.96	
73	26.04.15.0557	Nam	09/09/2000	5.25	7.75	13.00	
74	26.04.15.0558	Nam	10/04/1999	6.33	8.50	14.83	
75	26.04.15.0559	Nữ	20/12/2001	9.00	9.63	18.63	
76	26.04.15.0560	Nữ	17/07/1996	8.50	9.63	18.13	
77	26.04.15.0561	Nữ	09/06/2000	v	v	v	
78	26.04.15.0562	Nữ	24/08/2001	7.83	8.00	15.83	
NGÀNH: TAI – MŨI – HỌNG			31				
1	26.04.16.0563	Nữ	17/12/2002	9.83	8.63	18.46	+UT
2	26.04.16.0564	Nam	21/09/1998	6.25	7.00	13.25	
3	26.04.16.0565	Nữ	06/02/2001	4.75	5.50	10.25	
4	26.04.16.0566	Nữ	26/7/1998	v	v	v	
5	26.04.16.0567	Nam	10/12/2000	5.17	6.38	11.55	
6	26.04.16.0568	Nữ	12/10/1999	7.33	7.50	14.83	
7	26.04.16.0569	Nam	01/01/1990	5.50	5.38	10.88	
8	26.04.16.0570	Nữ	23/12/2001	7.42	8.88	16.30	
9	26.04.16.0571	Nam	04/02/2000	6.92	7.38	14.30	
10	26.04.16.0572	Nữ	17/02/2001	8.58	9.13	17.71	
11	26.04.16.0573	Nữ	12/06/2000	5.83	7.25	13.08	
12	26.04.16.0574	Nam	11/04/2001	9.83	7.00	16.83	
13	26.04.16.0575	Nam	26/12/2001	8.67	8.75	17.42	

STT	SBD	Giới tính	Ngày sinh	KẾT QUẢ THI CÁC MÔN		Tổng điểm	Ghi chú
				CS	CN		
14	26.04.16.0576	Nữ	22/12/2000	v	v	v	
15	26.04.16.0577	Nữ	28/03/2000	5.42	6.13	11.55	
16	26.04.16.0578	Nữ	03/11/2002	5.00	6.00	11.00	
17	26.04.16.0579	Nam	22/04/2002	9.17	7.50	16.67	
18	26.04.16.0580	Nam	29/07/2001	5.92	4.83	10.75	
19	26.04.16.0581	Nữ	17/06/2002	6.50	6.88	13.38	
20	26.04.16.0582	Nam	09/07/2002	6.33	6.25	12.58	
21	26.04.16.0583	Nam	21/06/2002	2.75	2.50	5.25	
22	26.04.16.0584	Nam	29/07/1996	8.25	8.38	16.63	
23	26.04.16.0585	Nam	26/8/2002	5.83	6.50	12.33	
24	26.04.16.0586	Nữ	08/02/2001	8.58	8.38	16.96	
25	26.04.16.0587	Nữ	24/08/2000	8.75	9.00	17.75	
26	26.04.16.0588	Nam	20/01/1990	9.00	6.00	15.00	+U'T
27	26.04.16.0589	Nữ	23/01/1999	7.08	6.75	13.83	
28	26.04.16.0590	Nữ	17/03/2002	8.50	8.13	16.63	
29	26.04.16.0591	Nam	02/02/2000	9.17	7.75	16.92	+U'T
30	26.04.16.0592	Nữ	26/07/2000	6.75	6.75	13.50	
31	26.04.16.0593	Nữ	28/07/2001	8.92	8.13	17.05	
	NGÀNH: TỔ CHỨC QUẢN LÝ ĐƯỢC		30				
1	26.04.40.0594	Nữ	27/03/2000	5.40	7.50	12.90	
2	26.04.40.0595	Nữ	21/07/2002	5.50	6.13	11.63	
3	26.04.40.0596	Nữ	03/03/2000	8.10	8.25	16.35	
4	26.04.40.0597	Nam	10/08/2000	8.20	7.88	16.08	
5	26.04.40.0598	Nữ	13/09/2000	7.90	7.25	15.15	
6	26.04.40.0599	Nữ	25/11/2001	9.00	6.88	15.88	
7	26.04.40.0600	Nữ	10/08/1998	6.30	6.13	12.43	
8	26.04.40.0601	Nam	24/01/1999	7.20	8.25	15.45	
9	26.04.40.0602	Nam	15/09/1974	6.70	5.50	12.20	
10	26.04.40.0603	Nam	15/12/2003	5.10	6.63	11.73	
11	26.04.40.0604	Nữ	31/07/1996	5.50	7.50	13.00	
12	26.04.40.0605	Nữ	03/10/2000	7.70	7.63	15.33	
13	26.04.40.0606	Nam	25/03/1998	7.40	7.75	15.15	
14	26.04.40.0607	Nam	04/08/1981	6.30	7.13	13.43	
15	26.04.40.0608	Nữ	16/02/1992	4.50	7.00	11.50	
16	26.04.40.0609	Nam	08/09/1993	7.50	7.88	15.38	
17	26.04.40.0610	Nam	18/06/2000	8.10	8.38	16.48	
18	26.04.40.0611	Nữ	26/03/2002	9.00	8.88	17.88	
19	26.04.40.0612	Nữ	08/08/1996	7.60	6.13	13.73	
20	26.04.40.0613	Nữ	20/02/1995	7.90	7.75	15.65	
21	26.04.40.0614	Nữ	31/05/1996	5.30	6.63	11.93	
22	26.04.40.0615	Nữ	03/02/1998	9.50	9.38	18.88	
23	26.04.40.0616	Nữ	26/03/1998	6.20	7.25	13.45	

11/2
 NG
 KHON
 THACH
 11/11

STT	SBD	Giới tính	Ngày sinh	KẾT QUẢ THI CÁC MÔN		Tổng điểm	Ghi chú
				CS	CN		
24	26.04.40.0617	Nữ	17/02/1996	8.25	7.75	16.00	+UT
25	26.04.40.0618	Nam	03/09/1999	5.10	6.13	11.23	
26	26.04.40.0619	Nữ	05/08/2002	8.60	8.38	16.98	
27	26.04.40.0620	Nữ	07/01/2002	8.80	7.13	15.93	
28	26.04.40.0621	Nữ	05/05/1991	7.40	8.25	15.65	
29	26.04.40.0622	Nữ	29/09/1995	5.20	5.88	11.08	
30	26.04.40.0623	Nữ	06/04/1994	8.10	7.75	15.85	
NGÀNH: Y HỌC GIA ĐÌNH			9				
1	26.04.22.0624	Nam	11/01/2000	8.30	9.13	17.43	
2	26.04.22.0625	Nam	05/08/1997	8.70	7.38	16.08	
3	26.04.22.0626	Nữ	25/07/1996	9.30	8.50	17.80	
4	26.04.22.0627	Nữ	09/01/1997	8.20	7.38	15.58	
5	26.04.22.0628	Nữ	16/07/2001	5.90	6.13	12.03	
6	26.04.22.0629	Nữ	14/09/1998	9.30	7.25	16.55	
7	26.04.22.0630	Nam	02/01/1989	8.70	7.13	15.83	
8	26.04.22.0631	Nam	18/10/1997	6.70	7.25	13.95	
9	26.04.22.0632	Nữ	05/12/2000	8.60	7.25	15.85	
NGÀNH: Y TẾ CÔNG CỘNG			3				
1	26.04.23.0633	Nam	20/11/1996	5.00	5.88	10.88	
2	26.04.23.0634	Nữ	12/08/1984	8.38	8.13	16.51	
3	26.04.23.0635	Nữ	14/11/1998	8.38	v	8.38	

Danh sách có 635 thí sinh

Ghi chú: Điểm trên đã bao gồm cộng điểm ưu tiên (+UT) vào môn cơ sở./.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 9 năm 2026

CHỦ TỊCH
 TRƯỞNG
 ĐẠI HỌC Y KHOA
 PHẠM NGỌC THẠCH
 Ngô Quốc Đạt
 HIỆU TRƯỞNG